

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÀN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau/ FPT Fund Management Joint Stock Company would like to announce the information after exchange trading:

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
 - Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
 - Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEFCV50**
 - Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:
 - Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: **25/07/2025**
 - Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares
- Chúng tôi thông báo DMCKCC đã dùng để hoán đổi 1 lô ETF như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I,	Chứng khoán (Stock)	1,435,902,000	95.97%
1	ACB	2,020	3.13%
2	CTG	620	1.89%
3	DCM	400	0.94%
4	DGC	200	1.41%
5	DIG	330	0.46%
6	DPM	400	1.10%
7	EIB	610	1.10%
8	FPT	1,520	11.29%
9	FRT	120	1.26%
10	GEX	630	2.11%
11	GMD	130	0.50%
12	HCM	650	1.09%
13	HDB	1,400	2.58%
14	HPG	2,280	3.96%
15	HSG	510	0.63%
16	IDC	200	0.62%
17	KBC	1,000	1.90%
18	KDH	710	1.37%
19	LPB	1,700	4.03%
20	MBB	1,600	3.04%
21	MSB	1,300	1.19%
22	MSN	600	3.05%
23	MWG	1,000	4.65%
24	NLG	300	0.81%
25	PDR	650	0.88%



26	PLX	150	0.38%
27	PNJ	500	2.87%
28	POW	600	0.56%
29	PVD	350	0.50%
30	PVS	350	0.81%
31	SAB	150	0.49%
32	SHB	1,350	1.36%
33	SHS	550	0.65%
34	SSB	50	0.07%
35	SSI	2,000	4.28%
36	STB	600	1.96%
37	TCB	2,100	4.92%
38	VCB	1,050	4.36%
39	VCG	500	0.80%
40	VCI	400	1.11%
41	VHM	200	1.23%
42	VIB	850	1.04%
43	VIC	400	3.10%
44	VJC	300	2.29%
45	VND	650	0.86%
46	VNM	1,000	4.26%
47	VPB	1,100	1.73%
48	VPI	100	0.35%
49	VRE	500	1.00%
II,	Tiền (Cash)	60,305,195	4.03%
II,	Tổng (Total) (I+II)	1,496,207,195	100.00%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,435,902,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,496,207,195

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 60,305,195

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: *Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component*

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: *Receive cash component after subtracting tax and redemption*

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
Securities symbol	Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Applied investors	State the reason
ACB	25,520	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Đã có phiếu đa đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
FPT	122,210	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Đã có phiếu đa đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MBB	31,240	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Đã có phiếu đa đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

MWG	76,450	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Dư cơ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	94,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Dư cơ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
TCB	38,555	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Dư cơ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	20,185	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Dư cơ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/ This period (*) 25/07/2025	Kỳ trước/ Previous period (**) 24/07/2025	Chênh lệch/Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	5,400,000	5,400,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closed price	12,250	12,230	20
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value			
<i>Của quỹ ETF/ of the Fund</i>	80,795,188,563	80,393,635,846	401,552,717
<i>Của một lô ETF/per Creation Unit</i>	1,496,207,195	1,488,771,034	7,436,161
<i>Của một chứng chỉ quỹ/ per Share</i>	14,962.07	14,887.71	74.4
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	2,778.21	2,751.57	26.6

(*)Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 24/07/2025

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 23/07/2025



Nguyễn Thành Long

Người được ủy quyền công bố thông tin

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT

Ngày ký: 28/07/2025

